



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XII
KHOA TRUNG VĂN
THI GIỮA HỌC KỲ 5
MÔN: NGHE**

Giảng viên: NS.TS. THÍCH NỮ NGHIÊM LIÊN

Phòng thi: 102 (Tầng 1).

MSSV: 10129 đến 12626. Sinh viên học tín chỉ.

STT	MSV	HỌ TÊN	PHÁP DANH	GHI CHÚ
1	TQ.10129	Nguyễn Xuân Phú	T. Hữu Đạt	Học tín chỉ
2	TQ.11403	Nguyễn Minh Tuyết	TN. An Châu	Học tín chỉ
3	12024	Lê Anh Đài	T. Nhuận Giác	
4	12050	Nguyễn Hữu Hải	T. Đồng Đăng	
5	12053	Trần Minh Hậu	T. Chúc Phúc	
6	12067	Đặng Hoàng Hiếu	T. Thiện Hào	
7	12074	Trần Minh Hoàng	T. Phổ Nguyên	
8	12079	Nguyễn Nam Hùng	T. Trí Ngộ	
9	12103	Phạm Minh Luân	T. Tâm Minh	
10	12111	Nguyễn Thành Nam	T. Trung Chánh	
11	12126	Bùi Huỳnh Nho	T. Thiện Bảo	
12	12150	Trương Thanh Quý	T. Thiện Phước	
13	12159	Trần Văn Tài	T. Minh Hiếu	
14	12241	Giang Văn Xương	T. Minh Đức	
15	12245	Đỗ Thị Kiều Anh	TN. Hạnh Huy	
16	12280	Nguyễn Thị Dung	TN. Huệ Pháp	
17	12283	Nguyễn Thị Dung	TN. Hạnh Hiếu	
18	12297	Đỗ Thị Tuyết Hạ	TN. Tuệ Ý	
19	12298	Đoàn Thị Hai	TN. Quang Hào	
20	12306	Phan Thị Hằng	TN. Diệu Hiền	
21	12322	Trần Thị Hiền	TN. Quang Tịnh	
22	12345	Đỗ Thị Hồng	TN. Phổ Giác	
23	12389	Nguyễn Thị Liễu	TN. Huệ Thông	
24	12411	Đoàn Thị Lựa	TN. Hạnh Viễn	
25	12413	Nguyễn Thị Thanh Luận	TN. Lê Đạo	

26	12414	Đinh Thị Lương	TN. Đồng Thiện	
27	12416	Bùi Thị Ly	TN. Huệ Như	
28	12424	Nguyễn Nhật Minh	TN. Năng Tường	
29	12438	Hồ Thị Hồng Ngân	TN. Thanh Hân	
30	12439	Nguyễn Thị Kim Ngân	TN. Hạnh Minh	
31	12481	Trịnh Thị Thu Phúc	TN. Minh Đạt	
32	12502	Hoàng Thị Sinh	TN. Lương Giải	
33	12519	Phan Thị Thanh	TN. Hạnh Nhã	
34	12530	Nguyễn Thị Thi	TN. Tâm Như	
35	12586	Nguyễn Thị Thanh Trang	TN. Bồn Thanh	
36	12587	Trần Thị Thúy Trang	TN. Trung Nghiêm	
37	12590	Đỗ Thị Nữ Trinh	TN. Lương Quỳnh	
38	12626	Lê Thị Thúy Vi	TN. Chúc Hòa	

VĂN PHÒNG HỌC VIỆN